

DIỄN ĐÀN XÃ HỘI HỌC

TIẾP TỤC TRAO ĐỔI VỀ TRUYỀN THỐNG VÀ HIỆN ĐẠI TRONG SỰ NGHIỆP MỚI CỦA CHÚNG TA

Truyền thống và hiện đại là một vấn đề có nghĩa lớn trong nghiên cứu lý luận cũng như trong chỉ đạo thực tiễn. Vừa qua, Viện Xã hội học đã những cố gắng trong việc tổ chức nghiên cứu về sức mạnh của truyền thống trong tiến trình của sự nghiệp đổi mới về kinh tế và về xã hội - *Sự chuyển đổi về định hướng giá trị của xã hội* từ một xã hội sản xuất nông nghiệp lạc hậu tự cung tự cấp sang một xã hội của nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần công nghiệp hoá, hiện đại hóa đi lên chủ nghĩa xã hội là một chủ đề nghiên cứu cơ bản của Viện. Để triển khai công việc khó khăn này, tranh thủ sự cộng tác của các học giả, các nhà nghiên cứu có bề dày trí thức và vốn sống đã từ lâu quan tâm đến việc sưu tầm, thẩm định di sản của dân tộc có ý nghĩa hết sức to lớn. Trong năm tới, chúng tôi sẽ tổ chức một hội thảo khoa học về chủ đề này một chủ đề mà từ số 1/1989 Tạp chí Xã hội học đã có dịp giới thiệu trong mục Diễn đàn xã hội học - Chúng tôi đã có đề cương gửi đến nhiều nhà khoa học vốn rất quan tâm đến chủ đề này. Để cho cuộc hội thảo khoa học sắp tới thu được kết quả tốt, “Diễn đàn Xã hội học” kỳ này xin giới thiệu với độc giả ý kiến của một số nhà khoa học gửi đến Viện Xã hội học phát biểu về đề cương hội thảo nói trên.

Chúng tôi mong sẽ còn nhận được nhiều ý kiến quý báu của các nhà khoa học hưởng ứng cuộc hội thảo đã giới thiệu trước với bạn đọc.

TƯƠNG LAI

PHẬT GIÁO VÀ ẢNH HƯỞNG Ở VIỆT NAM

HÀ VĂN TẤN *

Phật giáo được du nhập vào Việt Nam vào khoảng đầu công nguyên. Phật giáo vào Việt Nam theo hai con đường: con đường trực tiếp từ Ấn Độ và con đường qua Trung Quốc. Phật giáo từ Trung Quốc vào Việt Nam đã mang những yếu tố Trung Quốc hóa.

Ngay từ lúc du nhập, Phật giáo đã tiếp hợp với các tín ngưỡng cổ truyền Việt Nam. Chẳng hạn, ở trung tâm Phật giáo cổ nhất là Luy Lâu vùng Thuận Thành, Hà Bắc, chùa Phật còn thờ các nữ thần nông nghiệp như Bà Dâu, Bà Đậu... Sự gắn kết đó vẫn còn đến tận ngày nay.

Phật giáo đã được người Việt Nam đón nhận một cách hòa bình. Chùa làng trong một thời gian dài, là trung tâm tôn giáo và sinh hoạt văn hóa của các làng xã. Lực lượng Phật giáo đã đóng một vai trò có ý nghĩa trong cuộc vận động giải phóng đất nước vào cuối thời kỳ Bắc thuộc. Chính nhờ đó, bắt đầu từ thế kỷ X, sau khi nền

* Giáo sư, Viện trưởng Viện Khảo cổ học

độc lập dân tộc được khôi phục, Phật giáo đã được tiếp tục phát triển mạnh mẽ, và đạt đến đỉnh cao ở thời Lý Trần. Đó là thời kỳ huy hoàng của Phật giáo ở Việt Nam, Phật giáo đã ảnh hưởng to lớn đến toàn bộ cuộc sống tinh thần của người Việt Nam thời đó. Ta có thể thấy rõ dấu ấn của Phật giáo trên tâm thức, tư tưởng và các hình thái nghệ thuật như thi ca, hội họa, điêu khắc, Kiến trúc thời kỳ này...

Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh rằng, ngay trong thời kỳ Phật giáo hưng thịnh. Nho giáo vẫn được coi là một chỗ đứng cho đường lối trị nước. Ta hãy nghe vua Trần Thái Tông nói: “Cái phương tiện để mở lòng mê muội, con đường tắt để rõ lẽ sinh tử ấy là đại giáo của đức Phật. Làm cán cân cho hậu thế, làm khuôn phép cho tương lai ấy là trọng trách của tiên thánh (chỉ Khổng Tử - HVT)... Nay trăm sao không thể lấy trách nhiệm của tiên thánh làm trách nhiệm của mình, lấy lời dạy của đức Phật làm lời dạy của mình!”.

Sau thế kỷ XV, Nho giáo trở thành hệ ý thức chính thống. Phật giáo bị đẩy lùi Nhưng điều đó không có nghĩa là Phật giáo không còn ảnh hưởng trong xã hội Việt Nam.

Nho giáo là một hệ tư tưởng chính trị - xã hội hơn là một tôn giáo. Còn Phật giáo, tuy có hệ tư tưởng triết học riêng của nó, vẫn là một tôn giáo theo đúng nghĩa của từ này. Với Phật giáo - và cả với Đạo giáo - con người sống bằng niềm tin vào sự đạt tới một thế giới hạnh phúc, thoát được những khổ đau nhân thế. Điểm khác nhau giữa hai thứ tôn giáo nay là ở chỗ Phật giáo thì cho rằng “dĩ hình lụy thân” (cái mình ràn buộc cái thân) còn Đạo giáo thì cho rằng “dĩ hình dưỡng thân” (cái mình nuôi dưỡng cái thân). Và để đạt được mục đích, Phật giáo và Đạo giáo đều nêu lên những nguyên tắc đạo đức. Chính các nhà Nho Việt Nam đã có dung hợp hệ thống giá trị Nho giáo với các nguyên tắc đạo đức của các tôn giáo đó. Những trí thức Nho giáo Việt Nam tiêu biểu thường có khuynh hướng như vậy.

Nguyễn Trãi, thường nhận mình là người của “cửa Khổng sân Trình”, vẫn có những câu thơ chứa tư tưởng Phật giáo:

Tào Khê rửa ngàn tâm suối.

Sạch chẳng còn một chút phàm

Lê Quý Đôn thì viết: “Đạo giáo của họ Phật, họ Lão, thanh tĩnh hư vô, cao siêu tịch diệt, không hệ lụy đến sự vật, đây cũng là đạo giáo của bậc cao minh dùng để tu dưỡng bản thân, đến những lời bàn luận sâu rộng về đạo đức, về hình thần, không có điều gì là không có ý nghĩa màu nhiệm. Nhà nho chúng ta cứ giữ thành kiến kia khác, thường thường bác bỏ, như thế có nên không?”.

Trong “Trúc Lâm tông chỉ nguyên thanh”, Ngô Thị Nhậm ra sức dung hòa tư tưởng Nho với Phật. Ông viết: “Cái chỗ huyền diệu của Nho tức là Thiên, mà cái chỗ tác dụng của Thiên tức là Nho”.

Trước đài chia kinh của thái tử Chiêu Minh nhà Lương ở Trung Quốc, nhà thơ Nguyễn Du đã viết:

Ngã độc Kim Cương thiên biến linh,

Kỳ trung áo chỉ đa bất minh.

Cập đảo phân kinh thạch đài hạ.

Tài tri vô tư thị chân kinh.

(Ta đọc kinh Kim Cương hơn nghìn lần,
 Những điều sâu sắc trong đó phần nhiều không hiểu rõ.
 Nhưng khi đến dưới đài chia kinh này.
 Mới biết rằng *kinh không chữ mới là chân kinh*).

Rõ ràng Nguyễn Du đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của tư tưởng Thiền.

Nhưng cần chú ý là Phật giáo ở Việt Nam có một cấu trúc tư tưởng phức tạp và do đó, ảnh hưởng của nó đến các bộ phận của xã hội Việt Nam cũng khác nhau. Phật giáo ở Việt Nam thường được coi là những môn phái của Thiền tông, có nguồn gốc từ Trung Quốc. Nhưng các Thiền phái Việt Nam không còn giữ nguyên những tư tưởng Thiền (Trung Quốc, ít ra, tư tưởng Phật giáo Việt Nam có ba yếu tố: Thiền, Mật và Tịnh⁽¹⁾). Tư tưởng Thiền thường được tầng lớp trí thức Nho giáo tiếp nhận. Yếu tố Mật giáo với các nghi lễ đạo tràng, phả chú, gảy gũ và dễ trộn lẫn với Đạo giáo, thường được biểu hiện trong các nghi lễ cầu cúng, ma chay, phổ biến trong mọi tầng lớp xã hội. Còn Tịnh, tức Tịnh Độ, tín ngưỡng về một thế giới cực lạc ở Tây phương, được đón nhận rộng rãi trong cơ tầng bình dân. Quan thế Âm (Avalokitesvara), vị bồ tát cứu khổ cứu nạn, dẫn chúng sinh về cõi Tây phương cực lạc, đã trở thành một vị Phật bà bản địa hóa, gắn liền với tín ngưỡng các nữ thần:

*“Xem trong biển nước Nam ta,
 Phổ môn có đức Phật Bà Quan Âm.
 Niệm ngài thì niệm tại tâm...”*

Chính ở những người nông dân thôn xã, các quan niệm luân hồi báo ứng của Phật giáo đã được đón nhận một cách tự nhiên, dễ dung hợp với các tín ngưỡng cổ truyền. Ông Bụt từ bi, với nụ cười hiền hòa, đã luôn hiện ra trong các chuyện dân gian như đã giúp cô Tấm đến với hạnh phúc, sau những cuộc hóa thân từ kiếp vàng anh đến kiếp quả thị...

Như vậy, đầu Phật giáo có những bước thịnh suy trong lịch sử, ảnh hưởng của nó vẫn còn mãi đến hôm nay.

Một điều đáng quan tâm là trong những tháng năm này, số người đến cầu cúng ở các chùa Phật tăng lên rõ rệt. Đặc biệt là trong số người đến lễ bái ở chùa có rất nhiều thanh niên. Có những nhà khoa học, những vị quan chức, hôm trước vừa được cử hành tang lễ trọng thể, hôm sau đã được cầu siêu ở chùa. Cầu siêu cũng đang trở thành một “dịch vụ”. Rõ ràng đó là một hiện tượng mà các nhà xã hội học cần lưu ý. Nguyên nhân nào đã dẫn đến hiện tượng đó? Tôi muốn dành câu trả lời cho những cuộc điều tra xã hội học. Ở đây, tôi chỉ muốn nhắc lại câu nói của Mác: “Xóa bỏ tôn giáo, coi là hạnh phúc ảo tưởng thật sự của nhân dân, là đòi hỏi hạnh phúc thật sự của nhân dân. Đòi hỏi nhân dân từ bỏ những ảo tưởng về tình cảm của mình, nghĩa là đòi hỏi nhân dân từ bỏ một tình cảnh đang cần có ảo tưởng. (Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel).

⁽¹⁾ Xem Hà Văn Tấn: *Về ba yếu tố của Phật giáo Việt Nam: Thiền, Tịnh, Mật. Trong Mấy vấn đề về Phật giáo và lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Viện Triết học, Hà Nội, 1986, tr. 81 - 101.